

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2020

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bình Triệu
2. Ông Dương Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Vắng mặt.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị B, sinh năm 1983 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lưu Minh T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Võ Thị B trình bày:*

Chị B anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/11/2008. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không hạnh phúc nên anh chị đã ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh Lưu Minh T.

Con chung tên Lưu Thị B D, sinh ngày 15/10/2010 và Lưu Trọng V, sinh ngày 16/10/2014, hiện nay con chung do chị B nuôi dạy. Khi ly hôn chị B yêu cầu tiếp tục nuôi dạy hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Võ Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Lưu Minh T. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh T có địa chỉ tại ấp 7, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhưng anh T không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị B và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh T nhưng anh T vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Võ Thị B và anh Lưu Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/11/2008. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị B cho rằng thời gian chung sống giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc nên chị B yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa chị B và anh T không đạt được nên anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay mà không có thiện chí đoàn tụ. Điều này phù hợp với biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 10/3/2020. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị B và anh T có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh T vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Võ Thị B và Lưu Minh T được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Lưu Thị B D, sinh ngày 15/10/2010 và Lưu Trọng V, sinh ngày 16/10/2014. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 09/10/2019 cháu D có nguyện vọng sống cùng với chị B. Đồng thời, Cháu D và cháu V đang sống cùng với chị B, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của các cháu. Vì vậy, cần tiếp tục giao hai cháu Lưu Thị B D và Lưu Trọng V cho chị B tiếp tục nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

Chị B không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị B xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, không ai yêu cầu nên không xét.

[6] Về nợ chung: Chị B xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận ngày 09/10/2019 của UBND xã T, huyện Thới Bình xác nhận chị B

và anh T không bị ai thừa kiện về nợ tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị B phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị B và anh Lưu Minh T được ly hôn.
2. Về con chung: Giao con chung tên Lưu Thị B D (giới tính nữ), sinh ngày 15/10/2010 và Lưu Trọng V, sinh ngày 16/10/2014 (giới tính nam) cho chị Võ Thị B tiếp tục nuôi dạy. Anh Lưu Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung phù hợp với quy định của pháp luật mà không ai được quyền cản trở.
3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị B phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 09 tháng 3 năm 2020 chị B có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011067 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.
4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T vắng mặt nên anh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa